

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010



Hồ Chí Minh – 05/2010

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG!

Năm 2009, năm đầy những biến động mạnh về kinh tế nói chung và ngành xi măng nói riêng. Phải kể đến đầu tiên là giá các nguyên liệu ngành xi măng đồng loạt tăng. Sau đó là dấu hiệu bão hòa thị trường tiêu thụ xi măng. Với những nguyên nhân khách quan trên, khá nhiều doanh nghiệp trong ngành lao đao về đầu ra, chóng mặt với giá nguyên liệu tăng nhanh ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Là doanh nghiệp non trẻ hoạt động trong ngành xi măng, Công ty cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Tuy nhiên với những lợi thế nhất định, sự chuẩn bị chu đáo và cả nỗ lực vượt bậc, Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã đạt được những thành quả bước đầu và hoàn thành tốt kế hoạch đề ra và tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong đó tổng doanh thu trong năm 2009 đạt gần 657 tỷ đồng (tăng 31,38% so với kế hoạch đề ra), lợi nhuận sau thuế trên 32 tỷ đồng (tăng 28,45% so với kế hoạch đề ra).

Đạt được kết quả như vậy là nhờ Công ty có một tập thể Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và cán bộ nhân viên đoàn kết, một lòng phấn đấu và cống hiến vì sự phát triển của Công ty, sự ủng hộ và tin yêu của đông đảo cổ đông ở khắp ba miền đất nước, của các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là của khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, tín nhiệm và ủng hộ của các Quý Cổ đông, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để Công ty có sự phát triển bền vững trong thời gian qua, đặt nền móng vững chắc cho giai đoạn phát triển sau này. Xin gửi lời tri ân tới sự lao động sáng tạo của cán bộ nhân viên, những người đã có đóng góp quan trọng nhất cho thành công của Công ty hôm nay.

Năm 2010 chắc chắn là một năm nhiều khó khăn và thử thách nhưng cũng được xem là cơ hội đối với những công ty có chiến lược rõ ràng. Và đặc biệt, tôi tin tưởng rằng Quý cổ đông sẽ tiếp tục ủng hộ HĐQT và Ban Giám Đốc thực hiện tốt chính sách mà chúng ta đã đề ra. Cá nhân tôi và HĐQT tin rằng trong năm 2010, với chiến lược dài hạn cũng như các chính sách, trọng tâm kinh doanh, quản trị như trên sẽ giúp Công ty hoàn thành thắng lợi mục tiêu kinh doanh 2010 và nâng thương hiệu Xi măng Công Thanh lên một tầm cao mới, đảm bảo và gia tăng lợi ích lâu dài của quý cổ đông và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HĐQT

(đã ký)

NGUYỄN CÔNG LÝ

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh được thành lập vào ngày 23/01/2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 4103004281 với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 300 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập như sau:

Đvt: Triệu đồng, mệnh giá: 100.000 đồng

STT	Tên cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ
01	Nguyễn Công Lý	267.000	89%
02	Công ty CP tấm lợp-VLXD Đồng Nai	30.000	10%
03	Lê Trung Chính	3.000	01%
Tổng cộng		300.000	100%

Ngay sau khi thành lập, bên cạnh việc kinh doanh Clinker, xe trộn bê tông, ... Công ty đã tiến hành các thủ tục pháp lý để triển khai dự án xi măng Công Thanh dây chuyền 1 với công suất 2.500 tấn Clinker/ngày tại thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (theo văn bản số 725/TTg-CN ngày 12/05/2006 của Thủ Tướng Chính Phủ).



Đến đầu năm 2007, Đại hội đồng cổ đông công ty họp thống nhất thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 900 tỷ Thời gian góp vốn sẽ theo tiến độ dự án với mục đích nhằm đảm bảo vốn cho thực hiện dự án xi măng Công Thanh dây chuyền 1 với công suất 2.500 tấn

Clinker/ngày tại thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đến cuối năm 2009, việc góp vốn của công ty đã hoàn thành tốt đẹp, đảm bảo được tỷ lệ góp đủ 100%.

2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Hoạt động sản xuất kinh doanh khá đa dạng như sản xuất sản phẩm xi măng (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng dân dụng; Mua bán: máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị phụ tùng ngành xây dựng; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Mua bán xe cơ giới, xe chuyên dùng, xe ô tô, xe tải, xe gắn máy; Khai thác khoáng sản (đá vôi, đất sét, sắt, không khai thác tại trụ sở). Tuy nhiên trong giai đoạn đầu thành lập, công ty chỉ tập chung chủ yếu vào những nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty: clinker, xi măng, thạch cao và một vài dịch vụ liên quan khác.

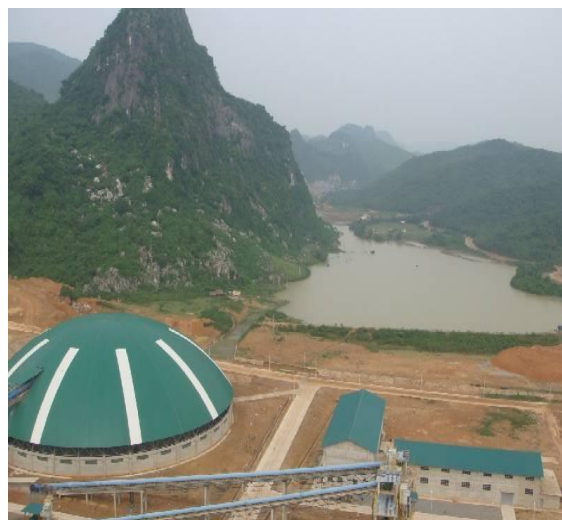
Tình hình hoạt động: sau quá trình chuẩn bị, ngày 04/07/2007, Công ty tổ chức khởi công thực hiện xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án xi măng Công Thanh dây chuyền 1 với công suất 2.500 tấn Clinker/ngày tại thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Sau 12 tháng thi công và lắp đặt, đến ngày 04/07/2008, dây chuyền 1 chính thức đi vào vận hành, cho năng suất và chất lượng ổn định. Đây là nhà máy xi măng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam thi công trong thời gian nhanh nhất, đảm bảo chất lượng công trình cũng như tiến độ đầu tư, chi phí đầu tư thấp.

Ngay sau đó, Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã đưa ra thị trường sản phẩm xi măng Công Thanh với chất lượng cao, mẫu mã đẹp, được người tiêu dùng đánh giá cao. Trong cơn sốt xi măng cuối năm 2008, công ty cũng đã đưa vào thị trường phía Nam 300.000 tấn xi măng góp phần bình ổn giá xi măng.

Trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đã rất quan tâm đến việc xây dựng thị trường và thương hiệu, tham gia các hoạt động xã hội (tài trợ cho bóng đá Thanh Hóa), thưởng cho các nhà phân phối đạt thành tích xuất sắc. Đến nay, sản phẩm xi măng Công Thanh đã được tiêu thụ rộng khắp các miền Trung, miền Nam, miền Tây với trên 150 đại lý và cửa hàng. Doanh thu qua các năm đều tăng trưởng, hoạt động kinh doanh có lãi.

Bên cạnh đó, Công ty còn tiếp tục đầu tư Dự án xây dựng dây chuyền 2 với công suất 10.000 tấn Clinker/ngày tức 3.000.000 tấn Clinker/năm và đã được Thủ tướng chấp thuận đầu tư ngày 20/03/2007, dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào quý 1/2010 với thời gian xây dựng 24 tháng. Tổng vốn đầu tư cho dây chuyền 2 là 420 triệu USD, sử dụng công nghệ và thiết bị hiện đại nhất hiện nay của Cộng hòa liên bang Đức.



Ngoài ra, Công ty đang là chủ đầu tư nhiều dự án tại tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, các dự án này mới trong giai đoạn xin chủ trương thực hiện dự án. Cụ thể hình hình đầu tư đến 31/12/2009 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tình hình thực hiện	Giá trị đầu tư
1	Khu du lịch biển Golden Coast Resort	Đang lập dự án xin đất	3.287
2	Dự án sân Golf	Đang lập dự án xin đất	4.647
3	Khách sạn 5 sao tại TP Thanh Hóa	Đang lập TKCS	2.861
4	Nhà máy phân đạm	Xin phép đầu tư	1.568
5	Nhà máy nhiệt điện	Xin phép đầu tư	3.051
Tổng cộng			15.414

Chủ trương của Công ty trước mắt là đăng ký dự án, dự kiến sau khi dự án dây chuyền 2 đi vào hoạt động, cân đối được nguồn vốn sẽ tiếp tục thực hiện các dự án trên.

Từ những sự kiện trên, Công ty cổ phần xi măng Công Thành nhận được rất nhiều sự quan tâm và đánh giá cao của Đảng, Chính phủ và các bộ ngành, xem đây là gương điển hình trong quá trình đầu tư. Công ty cũng vinh dự được tiếp đón Tổng bí thư Nông Đức Mạnh, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tham quan Nhà máy xi măng Công Thành tại Thanh Hóa.

3. Định hướng phát triển

3.1. Mục tiêu phát triển trong năm 2009

a. Chiến lược về sản phẩm

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm;

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao;
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm tiết giảm chi phí hàng tồn kho;
- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm sang những khu vực thị trường tiềm năng như Tp.Hồ Chí Minh, Đông Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên và cả khu vực miền Tây;
- Nâng cao năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm.

b. Chiến lược đầu tư công nghệ

Trong năm 2010, tiếp tục đầu tư xây dựng 02 dự án trọng điểm sau:

- Dự án đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh – Khánh Hòa với công suất 02 triệu tấn xi măng/năm, dự kiến đến quý 1/2011 nhà máy sẽ đi vào hoạt động;
- Dự án đầu tư Nhà máy xi măng Công Thanh – Dây chuyền 2 sản xuất clinker với công suất 10.000 tấn clinker/ngày, dự kiến đến 2012 nhà máy sẽ đi vào hoạt động.

c. Chiến lược tài chính

- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm được hoạt động kinh doanh của công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của công ty;
- Tìm kiếm các nguồn vay vốn phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

d. Chiến lược nhân sự

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân;
- Nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phân đầu trở thành nhà sản xuất Xi măng hàng đầu tại Việt Nam theo các tiêu chí sau:
- Chất lượng cao và ổn định;
- Sản phẩm phong phú về chủng loại;
- Giá cả cạnh tranh;
- Thị phần lớn.

II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. Những điểm nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009

Sau cuộc khủng hoảng nặng nề năm 2008, tình hình kinh tế Việt Nam 2009 có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2009 tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước đạt 5,2%, vượt chỉ tiêu của Quốc Hội đề ra. Sự tăng trưởng bền vững và khá ổn định của nền kinh tế đã tạo nền tảng vững

chắc cho sự phát triển ngành xây dựng Việt Nam, tác động tích cực đến ngành xi măng trong đó có Công ty cổ phần xi măng Công Thanh.

Trong ngành xi măng, giá các loại vật tư nguyên liệu, giá vận chuyển...tăng nhanh, tăng liên tục suốt từ đầu năm, nhiều doanh nghiệp không chủ động được nguồn nguyên liệu phải chấp nhận nhập khẩu số lượng lớn clinker từ nước ngoài. Với kinh nghiệm dày dặn trong ngành, Hội đồng Quản trị Công ty đã có những chuẩn bị chu đáo từ trước nên gần như hạn chế 90% tác động của cơn bão giá và chủ động hoàn toàn về nguồn nguyên liệu.

Cụ thể, hiện nay Công ty có giấy phép khai thác mỏ đá vôi tại chỗ với trữ lượng 246 triệu tấn đảm bảo công ty có thể hoạt động trên 50 năm. Trong năm 2009, công ty đã đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất clinker với công suất 2.500 tấn/ngày tương ứng 750.000 tấn/năm. Với dây chuyền được đầu tư vào loại hiện đại nhất Việt Nam, Công ty chủ động hoàn toàn về nguyên liệu clinker, nguyên liệu quan trọng nhất để sản xuất xi măng. Ngoài ra, sản lượng clinker dư thừa Công ty còn bán tiếp cho các doanh nghiệp khác trong ngành tạo ra nguồn lợi nhuận không nhỏ cho Công ty. Với những lợi thế đó, Công ty tiếp tục đầu tư Nhà máy nghiền xi măng với công suất 02 triệu tấn xi măng/năm; dây chuyền sản xuất clinker số 02 với công suất 10.000 tấn clinker/ngày. 02 dự án này sẽ chính thức đi vào hoạt động lần lượt năm 2011 và 2012, hứa hẹn tạo ra nguồn thu đột biến cho công ty trong những năm tới.

Để tối đa hóa lợi nhuận, Công ty còn đầu tư thiết bị thu hồi nhiệt thừa từ sản xuất giúp Công ty tiết kiệm được 40% chi phí điện năng.

Với những lợi thế trên, giá thành sản xuất xi măng của Công Thanh thấp hơn rất nhiều so với doanh nghiệp cùng ngành. Đây được xem là một trong những lợi thế cạnh tranh lớn của Công Thanh.

Về vấn đề chất lượng sản phẩm, công ty luôn đặt lên hàng đầu nhằm tạo uy tín cho Công ty. Thực tế đã chứng minh, sản phẩm của Công ty đã đáp ứng tốt những đòi hỏi khắt khe của khách hàng làm cho uy tín của Công Thanh ngày càng nâng cao trên thị trường và trong ngành sản xuất Xi măng. Kết quả đã thu hút lượng khách hàng lớn tìm đến công ty.

Công tác chỉ đạo và điều hành của Hội Đồng Quản Trị luôn sâu sát đến từng vấn đề cụ thể, luôn uyển chuyển trong các thời đoạn khó khăn nhưng vẫn bám sát và kiên quyết thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông về kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đầu tư ngay từ đầu năm. Các bộ phận chức năng, nghiệp vụ, các xí nghiệp và toàn thể công nhân trong công ty hoạt động hiệu quả, đồng bộ và nhiệt tình.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Với nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ và nhân viên, Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ và hoàn thành tốt kế hoạch đề ra, củng cố hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Trong đó tổng doanh thu trong năm 2009 đạt gần 659 tỷ đồng tăng

31,38% so với kế hoạch, gấp 03 lần so với năm 2008; lợi nhuận sau thuế tăng thêm 24 tỷ, gấp 4 lần năm 2008, tăng 28,45% so với kế hoạch đề ra,

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2008	%
Doanh thu	Tỷ đồng	656,9	215,4	304,97
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32,1	7,8	411,54

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

3.1. Thay đổi về nhân sự

Với chiến lược mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2009, HĐQT được bầu bổ sung thành viên nhằm giúp Hội đồng Quản trị hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại Hội đồng cổ đông giao phó. Thành phần HĐQT hiện nay gồm:

1. Ông Nguyễn Công Lý: Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Trung Chính : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm: Ủy viên HĐQT
4. Ông Đào Ngọc Biên: Ủy viên HĐQT
5. Ông Trần Văn Phụng: Ủy viên HĐQT
6. Ông Phạm Đức Hùng: Ủy viên HĐQT
7. Ông Lê Đình Minh: Ủy viên HĐQT

3.2. Thay đổi về vốn cổ đông

Tổng số vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2009 là 900.000.000.000 đồng, tăng 272.990.780.000 đồng. Vốn điều lệ tăng là do góp vốn của các cổ đông sáng lập theo nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2007, 2009.

Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh tính đến ngày 29/04/2010 như sau:

Chỉ tiêu	VNĐ	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ Đông	Cơ cấu Cổ Đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng vốn điều lệ	900.000.000.000	100,00	1.016	4	1.012
Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết	649.818.270.000	72,20	3	2	1
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	20.000.000.000	2,22	1	1	0
Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	230.181.730.000	25,58	1.012	1	1.011

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

4.1 Triển vọng phát triển của ngành

Xi măng là một trong những ngành công nghiệp được hình thành sớm nhất ở nước ta (cùng với các ngành than, dệt, đường sắt). Trong những năm qua ngành xi măng đóng góp một phần không nhỏ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam, trung bình từ 10% - 12% GDP. Vì thế Chính phủ xác định Xi măng là ngành phát triển chiến lược nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, sản lượng xi măng sản xuất trong những năm qua không đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước, theo đó hàng năm Việt Nam phải nhập một lượng lớn Clinker:

Đơn vị: triệu tấn

Năm	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
SL	11,1	12,7	14,64	16,8	18,4	20	21,7	23,6	26,9	34,6	45,5
TT	11,1	13,6	16,48	20,5	24,38	26,5	28,2	32,1	35,8	39,8	47,7
NK	0,3	0,2	1,33	3,75	5,98	6,0	6,5	8,5	8,9	5,2	3,0

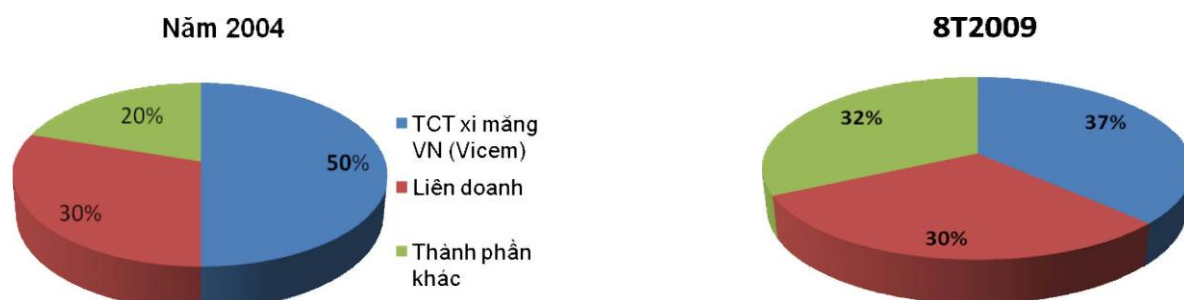
Nguồn: VLXD đương đại (Đơn vị: triệu tấn)

Về phân bố các nhà máy: Tại Việt Nam, đá vôi – nguyên liệu chính để sản xuất ra xi măng - có trữ lượng khá dồi dào tạo điều kiện cho ngành công nghiệp xi măng phát triển. Tuy vậy, các mỏ đá vôi phân bố khá rải rác và khác nhau về quy mô nên điều này cũng ảnh hưởng đến phân bố của ngành xi măng, theo đó các nhà máy xi măng lớn tập trung nhiều ở miền Bắc và các tỉnh cực Nam. Tại khu vực miền Nam, tính đến nay chỉ có 4 nhà máy xi măng lò quay sản xuất từ nguyên liệu đá vôi, với tổng công suất 7,3 triệu tấn, khả năng sản xuất năm 2009 đạt 5,5 triệu tấn.

Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ xi măng tại TP.HCM thường chiếm khoảng 38-40% nhu cầu xi măng cả nước (năm 2009 khoảng 17,5 - 18 triệu tấn), dẫn đến phải điều chuyển khoảng 12 - 12,5 triệu tấn từ Bắc vào Nam. Theo đó, trên thị trường giá bán xi măng của các doanh nghiệp Miền Bắc thường thấp hơn giá bán xi măng của các doanh nghiệp Miền Nam khoảng 200.000 đồng/ tấn tùy từng loại dao động xung quanh mức chênh lệch này để bù đắp chi phí vận chuyển.

Về thị phần, hiện nay Tổng công ty xi măng Việt Nam và các doanh nghiệp liên doanh đang chiếm 2/3 thị phần xi măng của cả nước. 9 doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam (Hoàng Thạch, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên 1, Hà Tiên 2, Tam Điệp, Hoàng Mai, Hải Phòng và Hải Vân) chiếm gần 40% thị phần xi măng cả nước. Các doanh nghiệp liên doanh (Holcim, Chinfon, Nghi Sơn) chiếm khoảng 30% thị phần. Còn lại là các doanh nghiệp xi măng nhỏ lẻ và xi măng địa phương khác.

Thị phần xi măng trong nước



Nguồn: Vicem

Mặc dù các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam vẫn đóng vai trò chủ đạo trong cung cấp xi măng cho thị trường, thị phần của Tổng Công ty đang bị sụt giảm. Năm 2004, Tổng Công ty chiếm gần 50% thị phần, hiện nay thị phần này đã giảm xuống và chỉ còn 37%. Điều này là do nhiều dự án đầu tư xây dựng mới trong ngành xi măng được triển khai và đi vào hoạt động, nhất là các nhà máy xi măng của các thành phần kinh tế khác đã lấy bớt thị phần do năng lực sản xuất của các doanh nghiệp trong Tổng Công ty chưa đáp ứng được nhu cầu xi măng trong các năm trước đây. Tuy nhiên, thị phần của Tổng Công ty sẽ được giữ vững khi những dự án mới như Bút Sơn 2, Bim Sơn mới, Bình Phước và Hà Tiên 2 đi vào hoạt động.

Về cạnh tranh trong ngành xi măng, đến nay do tình trạng nguồn cung chưa đủ cầu, xi măng là ngành chịu sự quản lý và điều tiết của nhà nước. Bên cạnh đó, với sự bảo hộ của Nhà nước, việc điều tiết lượng xi măng nhập khẩu thông qua chính sách thuế làm cho mức độ cạnh tranh trong ngành xi măng còn thấp. Tuy nhiên, Cạnh tranh trong ngành gia tăng mạnh do các dự án mới sẽ đi vào hoạt động: từ thiếu hụt xi măng chuyển sang dư thừa năng lực sản xuất trong khi lợi thế cạnh tranh của các nhà máy là khác nhau.

Ảnh hưởng của hội nhập kinh tế quốc tế:

Tổng hợp cam kết của ngành công nghiệp xi măng Việt Nam (WTO, CEPT/AFTA, ACFTA):

Mặt hàng	Thuế suất MFN	Cam kết với WTO			Cam kết CEPT/AFTA trong ASEAN			Cam kết ACFTA giữa ASEAN với Trung quốc.		
		Thuế suất khi gia nhập	Thuế suất cuối cùng	Thời gian thực hiện	Thuế suất 1/1/06	Thuế suất cuối cùng	Thời gian thực hiện	Thuế suất 1/1/06	Thuế suất cuối cùng	Thời gian thực hiện
Xi măng	40%	40%	32%	4 năm	5%	0%	2015	40%	0%	2015

Về cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu: những năm gần đây Việt Nam chủ yếu nhập clinker từ Thái Lan và Indonesia, đây là 2 nước có khả năng bán sản phẩm cạnh tranh với xi măng Việt Nam do có lợi thế về khoảng cách và tiêu thụ trong nước thấp hơn công suất thiết kế. Tuy nhiên, giá nội địa xi măng, clinker tại các nước này hiện đang cao hơn Việt Nam do mức thuế tài nguyên, chi phí nhân công và chi phí môi trường, do đó cộng thêm cước vận chuyển và thuế nhập khẩu về đến Việt Nam tạo nên mức giá chưa đủ khả năng cạnh tranh.

4.2 Kế hoạch trong tương lai

Kế hoạch đầu tư, kinh doanh

- Tiếp tục đầu tư Nhà máy sản xuất Xi măng và clinker với công suất 10.000 tấn clinker/ngày và Dự án đầu tư nhà máy nghiền xi măng Công Thanh – Khánh Hòa với công suất trên 02 triệu tấn xi măng/năm.
- Hoàn thiện mô hình hoạt động công ty cho phù hợp với tình hình mới.
- Tăng cường mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm.

Nguồn vốn cho đầu tư

- Sử dụng nguồn khấu hao hàng năm để tái tạo tài sản
- Quay vòng vốn nhanh, sử dụng nguồn vốn tự có.
- Vay ngân hàng.
- Tiếp tục huy động vốn thông qua phát hành thêm cổ phiếu.
- Huy động vốn của CBCNV trong công ty.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1		2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		898.520.053.510	335.891.742.748
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	307.219.958.219	4.942.170.631
1	Tiền	111		307.219.958.219	4.942.170.631
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-

III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	529.453.285.843	237.971.971.937
1	Phải thu của khách hàng	131		31.432.395.891	15.505.481.532
2	Trả trước cho người bán	132		262.990.639.810	222.466.490.405
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135		235.030.250.142	-
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.3	54.161.508.780	67.670.301.536
1	Hàng tồn kho	141		54.161.508.780	67.670.301.536
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		7.685.300.668	25.307.298.644
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	933.495.153	987.615.832
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.4	3.563.277.694	18.304.975.149
3	Thuế và các khoản phải thu khác của Nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	3.188.527.821	6.014.707.663
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		953.157.903.185	845.296.611.831
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		942.914.252.637	841.739.614.876
1	TSCĐ hữu hình	221	V.6	717.817.104.988	690.738.196.470
	- Nguyên giá	222		773.559.725.046	716.922.918.694
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.742.620.058)	(26.184.722.224)
2	TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	TSCĐ vô hình	227	V.7	40.493.892.633	38.468.492.534

	- Nguyên giá	228		44.475.224.259	41.552.558.750
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.981.331.626)	(3.084.066.216)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	184.603.255.016	112.532.925.872
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	6.221.903.000	2.318.796.000
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.221.903.000	2.318.796.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		4.021.747.548	1.238.200.955
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.021.747.548	1.238.200.955
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.851.677.956.695	1.181.188.354.579

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1	2	3	4	5
NỢ PHẢI TRẢ				
A. (300=310+330)	300		917.724.745.551	547.788.315.796
I. Nợ ngắn hạn	310		188.391.231.951	139.346.600.489
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	90.952.728.561	31.111.616.348
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	77.920.152.551	89.447.139.022
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.506.157.246	48.708.700
Thuế và các khoản phải nộp				
4. Nhà nước	314	V.13	4.605.329.414	137.674.897
5. Phải trả công nhân viên	315	V.14	1.393.977.400	515.907.800
6. Chi phí phải trả	316	V.15	11.602.140.403	13.540.099.177
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch				
8. hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp				
9. khác	319	V.16	410.746.376	4.545.454.545
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-

II. Nợ dài hạn	330		729.333.513.600	408.441.715.307
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	729.333.513.600	408.441.715.307
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
B. (400=410+430)	400		933.953.211.144	633.400.038.783
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	933.753.211.144	633.400.038.783
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	627.009.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(7.512.340.166)	(3.055.144.492)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.265.551.310	9.445.963.275
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		200.000.000	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		200.000.000	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.851.677.956.695	1.181.188.354.579

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

Đơn vị tính : VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	NĂM 2009	NĂM 2008
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.19	656.882.461.269	215.380.868.137
02	2. Các khoản giảm trừ	V.20	5.855.448.080	287.966.817
	- Chiết khấu thương mại		5.855.448.080	287.966.817
	- Giảm giá hàng bán		-	-
	- Hàng bán bị trả lại		-	-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XNK, thuế GTGT theo pp trực tiếp phải nộp		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-02)	VI.21	651.027.013.189	215.092.901.320
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.22	553.600.519.219	192.417.294.677
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV (20=10-11)		97.426.493.970	22.675.606.643
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.23	1.119.449.367	2.045.823.506
22	7. Chi phí tài chính	VI.24	4.407.358.786	2.012.176.327
23	- Trong đó: lãi vay phải trả		4.043.221.324	1.889.299.346
24	8. Chi phí bán hàng	VI.25	42.854.848.393	5.128.177.593
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.26	19.110.045.305	9.950.290.400
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]		32.173.690.853	7.630.785.829
31	11. Thu nhập khác	VI.27	53.587.951.670	5.925.265.083
32	12. Chi phí khác	V.28	53.649.864.012	5.747.353.284
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(61.912.342)	177.911.799
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		32.111.778.511	7.808.697.628
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)		32.111.778.511	7.808.697.628
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		392	130

BẢNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH NĂM 2008, 2009

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	4,77	2,41
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	4,48	1,92
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ (tổng nợ/Tổng tài sản)	lần	0,50	0,46
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ	lần	0,21	0,25
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,09	5,63
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	lần	0,35	0,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,93	3,63
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,73	0,66
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	3,44	1,23
Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	4,94	3,55
5. Thu nhập trên mỗi CP	VNĐ	392	130
6. Giá trị sổ sách trên mỗi CP	VNĐ	10.377	10.102

Nhận xét: Qua bảng phân tích các chỉ số cơ bản về tình hình tài chính của công ty chúng ta thấy hầu hết các chỉ số của năm 2009 đều tăng so với năm 2008. Trong đó:

- Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế 2009 tăng rất ấn tượng, với con số lần lượt là 303% và 411% so với năm 2008.
- Các hệ số thanh toán cũng tăng đáng kể đặc biệt là hệ số thanh toán nhanh là 1,92 lần lên 4,48 lần, điều đó có nghĩa là năm 2009 tài sản có tính thanh khoản của công ty đã tăng lên đáng kể và có thể tài trợ tốt cho các khoản nợ đến hạn.
- Về các chỉ số cơ cấu vốn năm 2009 cũng rất khả quan, cụ thể hệ số nợ năm 2009 chỉ tầm 0,5 lần. Chỉ số này cho thấy tài sản được tài trợ bằng vốn vay của Công ty so với trung bình ngành vào loại thấp. Công ty có thể cơ cấu lại nguồn vốn để sử dụng vốn cho hiệu quả hơn.
- Về các chỉ tiêu năng lực hoạt động, các chỉ số đều tăng theo chiều hướng tích cực. Qua đó cho thấy trong năm 2009 Công ty đã có những bước chuyển mình đáng kể trong việc quản lý, cân đối hàng tồn kho, tránh tình trạng hàng tồn kho quá lâu.
- Về chỉ tiêu sinh lời, rõ ràng Công ty đã có những tiến bộ trong việc sử dụng đồng vốn bỏ ra khi các chỉ tiêu này đều tăng, tuy nhiên nếu so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành thì tỷ lệ này vẫn vào loại thấp. Nguyên nhân là do công ty chỉ mới trong giai đoạn đầu sản xuất kinh doanh nên vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định. Với triển vọng của ngành

và của công ty, Hội đồng Quản trị công ty đặt niềm tin sẽ tăng tỷ lệ này trong những năm tiếp theo.

- Chỉ số EPS của công ty năm 2009 cũng tăng gấp 3 lần so với năm 2008, mặc dù năm 2009 công ty có phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn làm số cổ phiếu tăng từ 62.700.922 cp lên 90.000.000. Điều này chứng tỏ công ty đã sử dụng khá hiệu quả đồng vốn để tạo ra lợi nhuận cho cổ đông.

Nhìn chung qua phân tích các chỉ số tài chính năm 2009 cho thấy tình hình tài chính công ty có những chuyển biến rất tích cực. Do đó, công ty cần phải duy trì đà tăng trưởng này vì theo dự đoán thì năm 2010 là một năm đầy thử thách đối với doanh nghiệp.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Hoàn chỉnh tương đối cơ cấu tổ chức để phù hợp với mô hình hoạt động sản xuất mới.
- Xây dựng hoàn chỉnh các chính sách cho cán bộ công nhân viên, mô hình quản lý công ty góp phần tăng thu nhập và chính sách phúc lợi cho cán bộ công nhân viên.
- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm sang những nhóm khu vực tiềm năng.
- Thành lập được ban kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ hỗ trợ bộ phận tài chính trong việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.
- Hoàn thành dây chuyền sản xuất clinker đúng tiến độ đề ra và đã đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhà máy này được Bộ Xây dựng đánh giá là nhà máy xây dựng nhanh nhất Việt Nam.
- Công ty đã xây dựng xong thiết bị thu hồi nhiệt thừa phát điện, giúp Công ty tiết kiệm được trên 40% chi phí điện năng, góp phần không nhỏ trong việc tăng lợi nhuận cho Công ty.

4. Kế hoạch phát triển năm 2010

Tổng doanh thu: 835 tỷ đồng, tăng 127% so với năm 2009.

Lợi nhuận sau thuế: 75 tỷ đồng, tăng 234 % so với năm 2009.

4.1 Những chỉ tiêu cơ bản

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
			2010	2009	%
A	B	C	1	2	3=1/2
I	Doanh thu	Tỷ đồng	835	657	127%
II	Sản phẩm chủ yếu				
1	Clinker	Tỷ đồng	581	445	131%
2	Xi măng	Tỷ đồng	220	184	120%
3	Thạch cao	Tỷ đồng	6	3	200%
4	Vận chuyển bê tông	Tỷ đồng	24	22	109%
5	Khác	Tỷ đồng	4	3	133%
III	Thu nhập b/q	Tr. Đồng	4	3,5	114%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đồng	75	32	234%
	Trong đó:				
1	Quỹ phát triển sản xuất	Tỷ đồng	0,75	-	
2	Quỹ dự trữ tài chính	Tỷ đồng	1,5	-	
3	Quỹ khen thưởng	Tỷ đồng	0,75	-	
4	Thù lao HĐQT	Tỷ đồng	2,25	0,32	
5	Cổ tức	Tỷ đồng	69	27	

(*) Trích quỹ:

Quỹ phát triển SXKD : 1% lợi nhuận sau thuế;

Quỹ dự trữ tài chính : 2% lợi nhuận sau thuế;

Quỹ khen thưởng : 1% lợi nhuận sau thuế.

(**) Thù lao Hội đồng Quản trị:

Năm 2009: 1% lợi nhuận sau thuế;

Năm 2010: 3% lợi nhuận sau thuế.

(***) Mức cổ tức chia cho cổ đông hiện hữu:

Năm 2009: 3%/ vốn điều lệ (bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, thời gian chi trả năm 2010);

Năm 2010: 6%/ vốn điều lệ (bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, thời gian chi trả năm 2011).

4.2 Các biện pháp của Công ty trong năm 2010

- Hoàn thành kế hoạch SX-KD năm 2010 (theo các chỉ tiêu đã nêu trong báo cáo) .

- Tăng cường khai thác tối đa nguồn nguyên liệu tại chỗ để phục vụ sản xuất. Việc này có tác dụng làm giảm phân vốn vay ngân hàng, hạn chế rủi ro về tỷ giá.
- Tăng cường công tác nghiên cứu, cải tiến và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ để làm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh dựa trên chất lượng, giá thành sản phẩm.
- Phòng tài chính, kinh doanh theo dõi chi tiết hợp đồng, đơn hàng, công nợ.
- Tiếp tục củng cố những khách hàng truyền thống, tích cực phát triển khách hàng mới bằng chính sách tiếp thị phù hợp nhưng phải kiểm soát không để phát sinh nợ xấu.
- Năm 2010 tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất mới góp phần tạo doanh thu trong tương lai cho Công ty.
- Quản lý hiệu quả nguồn vốn, tích cực thu hồi công nợ, quay vòng vốn nhanh.
- Làm tốt công tác tuyển dụng và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất.
- Làm tốt công tác chế độ đối với CBCNV, không ngừng nâng cao mức sống của người lao động để họ gắn bó hơn với Công ty. Từ đó nâng cao được năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Thực hành tiết kiệm trong mọi chi phí, đặc biệt triệt để tiết kiệm nguồn năng lượng, điện nước.

IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2009/HĐQT (nhận được ủy quyền của Đại hội Đồng Cổ đông về chọn đơn vị kiểm toán phù hợp), Hội đồng Quản trị chọn Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ Phần mềm (TDK) để kiểm toán tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 31/12/2009.

2. Ý kiến của Kiểm toán độc lập

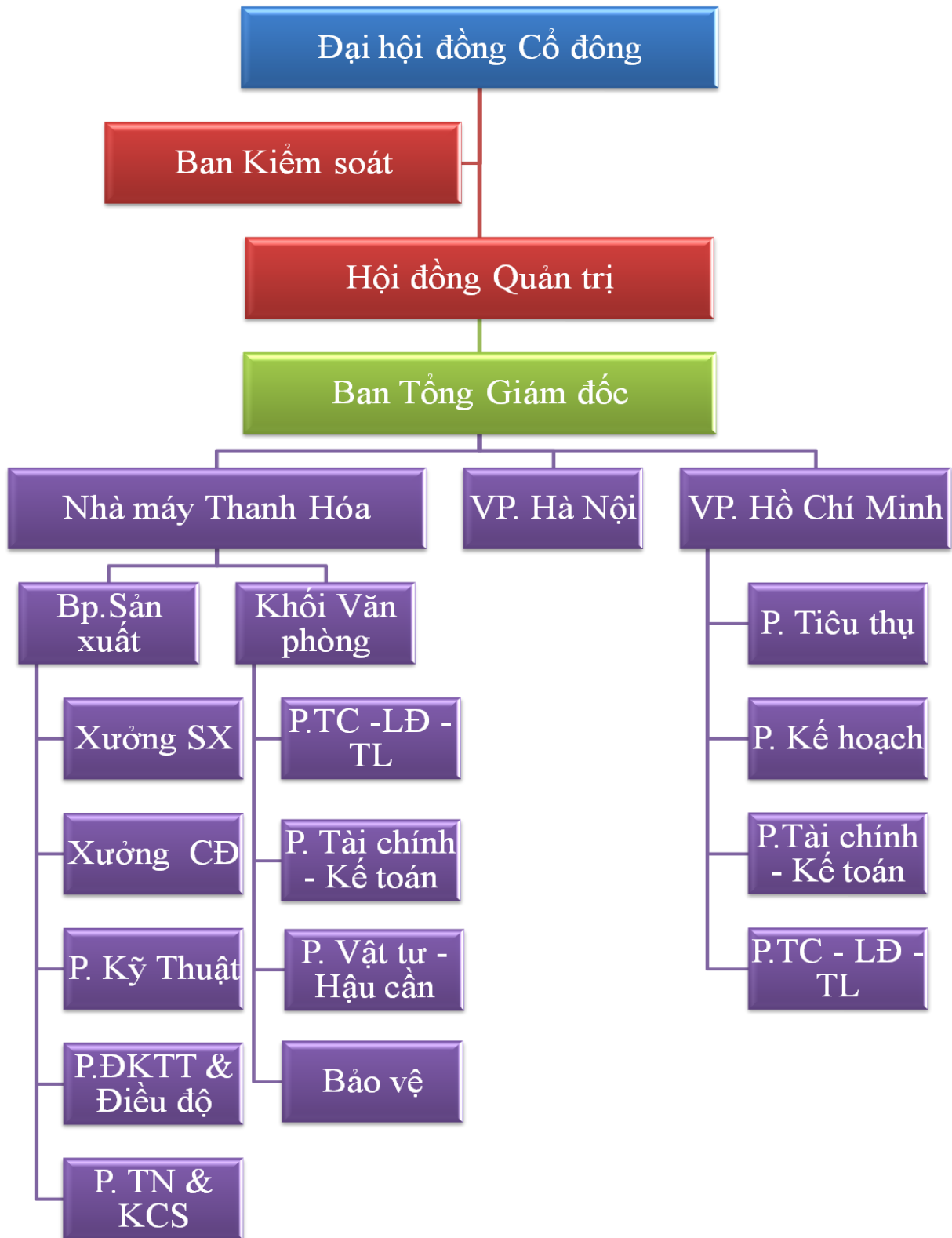
Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ Phần mềm TDK:

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu, các Báo cáo tài chính đính kèm theo đây của Công ty Cổ Phần Xi Măng Công Thanh, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên, được lập phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam.”

V. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



2. Tóm tắt lý lịch của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

2.1 Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN CÔNG LÝ - Chủ tịch HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 023459708
- Cấp ngày: 30/01/1997 tại Công An Tp.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/12/1961
- Nơi sinh: Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: A6/2 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM.
- Số điện thoại liên lạc: (08).39151609
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Quá trình công tác:
 - Năm 2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xi măng Công Thanh và Tổng Giám Đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tấm Lợp VLXD Đồng Nai.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: số cổ phần sở hữu cá nhân: 51.481.827 cổ phần

Ông LÊ TRUNG CHÍNH – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 023822994.
- Cấp ngày: 28/09/2000 tại Công An.TPHCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1963
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Giao Tiên, Huyện Xuân Thủy, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: C3/9 C/c 189C Cống Quỳnh, P.Nguyễn Cư Trinh, Q1, Tp.HCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0373.977501
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư silic cát
- Quá trình công tác:
 - Năm 1995-2000: Trưởng phòng kỹ thuật KCS Công ty CP Tấm Lợp-VLXD Đồng Nai
 - Năm 2000 đến năm 2006: Phó tổng giám đốc Công ty CP Tấm Lợp-VLXD Đồng Nai

- Năm 2006 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xi măng Công Thanh và Phó tổng giám đốc Công ty CP Tấm Lợp-VLXD Đồng Nai
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 800.000 CP

Bà NGUYỄN THỊ THANH TÂM - Ủy viên HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 022314439.
- Cấp ngày: 18/11/1996 tại Công An Tp.HCM
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 16/01/1969
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 285 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0613.836130
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2006 đến năm 2007: Ủy viên HĐQT Công ty CP Xi Măng Công Thanh.
 - Từ năm 2007 đến 2009: Trưởng phòng hành chính Cty CP Tấm Lợp – VLXD Đồng Nai và Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh
 - Từ năm 2009 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 308.000 CP
 - Số CP sở hữu đại diện vốn CTCP Tấm lợp VLXD Đồng Nai: 9.000.000 CP

Ông ĐÀO NGỌC BIÊN - Ủy viên HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 0248633023
- Cấp ngày: 11/12/2007 tại Công An Tp.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/11/1968
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 148 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TPHCM
- Số điện thoại liên lạc: 0913.913.990
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2008 đến nay: Phòng kinh doanh Công ty cổ phần xi măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: Không

Ông TRẦN VĂN PHƯƠNG - Ủy viên HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 023798578
- Cấp ngày: 25/04/2000 tại Công An TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/09/1958
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 250/16 Bàu Cát, F.11, Q. Tân Bình TP. HCM
- Điện thoại liên lạc: (08) 39151607
- Trình độ văn hóa: 11/12
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận Tải An Tôn
 - Từ năm 2009 đến nay: Phòng kinh doanh Công ty CP Xi măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: Không

Ông PHẠM ĐỨC HÙNG - Ủy viên HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 022828042.
- Cấp ngày: 06/03/2008 tại Công An TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/07/1974
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: D6 Khu Nam Long, Đường Phú Thuận, Q.7
Tp.HCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 39151606
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - năm 2006 – 2008: Quản lý vận tải Công ty CP Xi Măng Công Thanh
 - năm 2009 – nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0

Ông LÊ ĐÌNH MINH - Ủy viên HĐQT

- Số chứng minh nhân dân: 023324036.
- Cấp ngày: 05/03/2009 tại Công An TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/11/1954
- Nơi sinh: Xã Đức Hòa, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đức Hòa, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 518 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân TPHCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 39151607
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:
 - Từ 1993 – 2008: Phó Giám đốc xí nghiệp tiêu thụ xi măng Hà Tiên 1
 - Năm 2009 – nay: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Công ty CP Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0

2.2 Ban Giám đốc**Ông LƯƠNG TÚ CHINH - Tổng giám đốc**

- Số passport: E3089986.
- Cấp ngày: 31/03/2009 tại Úc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1976
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Úc
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú: 52 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0373.977501
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- Quá trình công tác:
 - Năm 2001-2005: làm việc tại Commonwealth Serum Laboratory
 - Năm 2006 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0

Ông LÊ TRUNG CHÍNH – Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc (xem ở phần Hội đồng Quản trị)

Ông LÊ TIẾN DŨNG - Phó Tổng Giám đốc

- Số chứng minh nhân dân: 024471409.

- Cấp ngày: 16/05/2009 tại Công An TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/11/1972
- Nơi sinh: Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đông Tiến, Huyện Đông Sơn, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 139/23 Tân Sơn Nhi, P.Tân Sơn Nhi, Q.Tân Phú,
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0373.977501
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Năm 2002 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH TINA
 - Năm 2006 – 2008: Giám đốc dự án Nhà máy xi măng Công Thanh
 - Năm 2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan - Vợ: số cổ phần sở hữu: 220.000 CP

2.3 Ban Kiểm Soát

Ông PHAN VĂN TÁM - Trưởng ban Kiểm soát

- Số chứng minh nhân dân: 273397899
- Cấp ngày: 13/06/2007 tại Công An Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/10/1959
- Nơi sinh: Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: 70 Nguyễn Văn Cừ, Phường 9, TP.Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0982761891
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác:
 - Năm 1985 – 2000: Kế toán Công ty XD Dầu Khí Vũng Tàu
 - Năm 2001 – 2007: Chủ Doanh nghiệp tư nhân TM Tám Lý
 - Năm 2008 – nay: Trưởng BQL nhà máy nghiền xi măng Cty CP Tấm Lọt – VLXD Đồng Nai và Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 135.000CP
 - Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN: 0

Ông NGUYỄN KHUÊ PHONG - Thành viên ban Kiểm soát

- Số chứng minh nhân dân: 012352132
- Cấp ngày: 19/05/2000

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/01/1973
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thuận Thành, Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 41 tổ 7 Đại Yên, F.Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913.234.586 –(04) 35187043
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 08/1995 –09/1999: Phó đại diện – VP đại diện China Resource (Holdings) tại Hà Nội.
 - Từ tháng 10/1999 – 10/2003: Phó đại diện – VP đại diện China Chengdu International Techno – Economic Cooperation Co.,Ltd tại Hà Nội.
 - Từ 11/2003 đến 2006: Giám đốc Công ty TNHH DV TM&XNK Nam Phương tại Hà Nội.
 - Từ 2006 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Dịch Vụ TM&XNK Nam Phương tại Hà Nội và Thành viên ban Kiểm soát Công ty CP Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 100.000 cổ phiếu

Bà NGUYỄN THỊ MAI THẢO - Thành viên ban Kiểm soát

- Số chứng minh nhân dân: 023611587
- Cấp ngày: 27/08/1997 tại Công An TP.HCM
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/03/1982
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 169/62 Ngô Tất Tố, P.22, Q.BT, TPHCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 39151606
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - Từ 2007 - 2009: Thành viên ban kiểm soát kiêm nhân viên phòng hành chính Cty CP Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0
 - Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN: 0

2.4 Kế toán trưởng

Ông LÊ VĂN TUẤN - Kế toán trưởng

- Số chứng minh nhân dân: 012345810.

- Cấp ngày: 21/08/2000 tại Công An Tp.Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/12/1972
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 31, Ngõ 84 Đường Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913591599
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 1997-2008: Kế toán trưởng Cty TNHH Kinh Doanh Ô tô Nisu
 - Từ năm 2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xi Măng Công Thanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 83.333 CP
 - Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN: 0

3. Chính sách người lao động

Số lượng nhân viên công ty là 340 người

Mức lương bình quân năm 2009: 3.500.000đ/người/tháng.

Phân theo trình độ	Số lượng
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	100 người
Cán bộ có trình độ trung cấp	120 người
Công nhân kỹ thuật	100 người
Nhân viên phục vụ	20 người
Tổng	340 người

3.1 Chế độ tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

3.2 Chế độ và quyền lợi của người lao động

Cán bộ, công nhân viên đang làm việc cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh theo chế độ hợp đồng lao động và được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác của người lao động theo quy định của nhà nước. Đối với số người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

VI. Thông tin về cổ đông và Quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh gồm 07 thành viên. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Giám đốc. Bên cạnh đó Ban Kiểm Soát cũng là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và Ban Điều Hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật. Tổng số cổ phần sở hữu hiện nay của hội đồng quản trị là: 52.589.827 CP, chiếm 58,43 % tổng số cổ phần của công ty (tính đến ngày 29/04/2010).

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, trong đó có 1 người trong Ban Kiểm soát Công ty có chuyên môn về tài chính - kế toán.

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 29/4/2010. Tổng số cổ phiếu của công ty là: 90.000.000 CP. Tổng số cổ đông là: 1016 cổ đông.

3.1 Cổ đông trong nước

Cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phần
Pháp nhân	2	9.020.000	10,02 %
Thẻ nhân	1.003	73.827.058	82,03 %

3.2. Cổ đông nước ngoài

Cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phần
Pháp nhân	2	6.500.000	7,22 %
Thẻ nhân	9	652.942	0,73%

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2010

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCKNN

- Lưu HDQT - Công ty

(đã ký)

NGUYỄN CÔNG LÝ